



BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC HÓA CHẤT

Hệ thống văn bản pháp luật về hóa chất

Luật 69/2025/QH15

Luật Hóa chất

14/6/2025 | HLực: 01/01/2026

NĐ 24/2026/NĐ-CP

Danh mục hóa chất

17/01/2026

NĐ 25 + TT 02/2026

**Phát triển CN & An toàn
HC**

17/01/2026

NĐ 26 + TT 01/2026

Quản lý hoạt động HC

17/01/2026

 **NQ 19/2026/NQ-CP** | Ký: 28/4/2026 | PLI hiệu lực: 29/5/2026 | Hết hiệu lực chậm nhất: 01/3/2027

Phụ lục I: Phân cấp 4 TTHC → UBND tỉnh | Phụ lục II: Cắt giảm điều kiện KD 6 nhóm | Phụ lục III: Rút ngắn thời gian, mở rộng 9 nhóm miễn trừ

MỤC LỤC

01	Tổng quan hệ thống VBPL hóa chất	3-5	07	Phát triển công nghiệp hóa chất	12
02	Danh mục hóa chất (NĐ 24/2026)	6	08	Chứng chỉ tư vấn & Huấn luyện AT	13-14
03	Giấy phép / Chứng nhận hoạt động HC	7-8	09	KH PNUPSC & Quy trình thẩm định	15-16
04	Xuất khẩu – Nhập khẩu hóa chất	9	10	Chuyển đổi sổ quản lý hóa chất	17
05	HC nguy hiểm trong SP & hàng hóa	10	11	Lộ trình và NQ 19/2026/NQ-CP	18-21
06	Thông tin HC: GHS, SDS, Đăng ký mới	11	12	Nghĩa vụ và tổng kết	22-23

SƠ ĐỒ HỆ THỐNG VĂN BẢN PHÁP LUẬT HOÁ CHẤT

LUẬT HOÁ CHẤT

Số 69/2025/QH15 | Hiệu lực: 01/01/2026

NĐ 24/2026/NĐ-CP

Danh mục
hóa chất

Không có Thông tư hướng dẫn riêng

NĐ 25/2026/NĐ-CP

Phát triển CN HC
An toàn – An ninh HC

NĐ 26/2026/NĐ-CP

Quản lý
hoạt động HC

TT 02/2026/TT-BCT

Chứng chỉ tư vấn • KH PNUPSC & Diễn tập
• Biểu mẫu thẩm định

TT 01/2026/TT-BCT

Phân cấp thủ tục • Biểu mẫu cấp phép
• SDS, GHS, Khai báo NK

Các Phụ lục ban hành kèm NĐ 24/2026:

Phụ lục I

HC cơ bản CN trọng điểm

Phụ lục II

HC SX/KD có điều kiện

Phụ lục III

HC cần KS đặc biệt

Phụ lục IV

HC phải lập KH PNUPSC

TỔNG QUAN LUẬT HÓA CHẤT SỐ 69/2025/QH15

Thay thế Luật Hóa chất 06/2007/QH12 | Quốc hội khóa XV, kỳ họp thứ 9 | Hiệu lực: 01/01/2026

Ch. I	Quy định chung Phạm vi, đối tượng, phân loại HC
Ch. II	Công nghiệp hóa chất Chiến lược, KCN chuyên ngành, tư vấn, ưu đãi
Ch. III	Quản lý hoạt động HC Cấp phép, XNK, khai báo, HC mới
Ch. IV	Thông tin hóa chất GHS, SDS, CSDL quốc gia, bảo mật CBI
Ch. V	HC nguy hiểm trong SP/HH Công bố hàm lượng, kiểm soát chuỗi cung ứng
Ch. VI	An toàn & An ninh HC Huấn luyện ATCH, PNUPSC, phân cấp sự cố
Ch. VII	Điều khoản thi hành Hiệu lực, lộ trình chuyển tiếp

7	48	3	5
Chương	Điều	Cấp độ kiểm soát	Loại GP / GCN

ĐIỂM MỚI SO VỚI LUẬT 2007

- ✓ Bổ sung HC cần kiểm soát đặc biệt (thay "hóa chất hạn chế")
- ✓ Phân loại 3 cấp kiểm soát theo điều ước quốc tế
- ✓ GCN dịch vụ tồn trữ, Chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất
- ✓ CSDL chuyên ngành HC – Chuyển đổi số
- ✓ Khu CN HC chuyên ngành, ưu đãi đầu tư đặc biệt
- ✓ Kiểm soát HC nguy hiểm trong chuỗi cung ứng SP

PHÂN LOẠI HÓA CHẤT – 3 CẤP ĐỘ KIỂM SOÁT

Điều 9, Luật HC 69/2025 | NĐ 26/2026/NĐ-CP Điều 7–18

① HÓA CHẤT CÓ ĐIỀU KIỆN

Điều 9.1 Luật HC | Điều 7–10, NĐ 26

Đối tượng	Chất/hỗn hợp nguy hiểm trong Phụ lục II, NĐ 24
Giấy tờ	Giấy chứng nhận đủ điều kiện SX/KD
Cơ quan cấp	UBND cấp tỉnh
Thời hạn	5 năm
Yêu cầu	Nhà xưởng đúng QCKT; người CTCM $\geq$ ĐH/TC Hóa; KH PNUPSC

② HC CẦN KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT

Điều 9.2 Luật HC | Điều 11–15, NĐ 26

Đối tượng	HC thuộc điều ước quốc tế hoặc gây hại QP, AN, XH
Giấy tờ	Giấy phép SX/KD + Phiếu kiểm soát mua bán từng lần
Cơ quan cấp	Nhóm 1: Cục HC Nhóm 2: UBND tỉnh (TT 01)
Thời hạn	SX/KD: 5 năm XK/NK: 6 tháng (gia hạn 1 lần)
Bổ sung	Phương án kiểm soát phòng chống thất thoát HC

③ HÓA CHẤT CẤM

Điều 9.3 Luật HC | Điều 16–18, NĐ 26

Đối tượng	Danh mục HC, khoáng vật cấm (Luật Đầu tư)
Giấy tờ	Giấy phép SX/NK cho mục đích đặc biệt
Cơ quan cấp	Bộ/cơ quan ngang Bộ phụ trách
Thời hạn	SX: 12 tháng NK: 6 tháng
Ngoại lệ	NCKH, QP/AN, y tế, phòng chống thiên tai, điều tra tội phạm

Nghị định số 24/2026/NĐ-CP – CÁC DANH MỤC HÓA CHẤT

Ban hành 17/01/2026 | Hiệu lực ngay từ ngày ký | Rà soát định kỳ trước 30/6 hàng năm

PHỤ LỤC I

HC cơ bản – CN trọng điểm

K.2, Điều 6 – Luật HC

- ▶ HC cơ bản trong nước chưa SX được / chưa đủ sản lượng
- ▶ Cơ sở cho ưu đãi, hỗ trợ đầu tư phát triển CN HC
- ▶ Nền tảng công nghiệp hóa dầu, hóa dược, vật liệu

PHỤ LỤC II

HC SX, KD có điều kiện

Đ.α K.1 Điều 9 – Luật HC

- ▶ Chất/hỗn hợp có ≥ 1 đặc tính nguy hiểm theo GHS
- ▶ SX/KD phải có GCN đủ điều kiện do UBND tỉnh cấp (5 năm)
- ▶ Nền tảng để ND 26 quy định điều kiện SX/KD chi tiết

PHỤ LỤC III

HC cần kiểm soát đặc biệt

Đ.α K.2 Điều 9 – Luật HC

- ▶ Nhóm 1: Cục Hóa chất (Bộ CT) cấp phép SX/KD/XNK
- ▶ Nhóm 2: UBND tỉnh cấp phép (theo phân cấp TT 01)
- ▶ Gồm: Hóa chất Bảng (CWC), tiền chất CN, tiền chất ma túy

PHỤ LỤC IV

HC phải lập KH PNUPSC

K.2, Điều 37 – Luật HC

- ▶ HC nguy hiểm tồn trữ vượt ngưỡng quy định (Bảng A, B)
- ▶ Bắt buộc lập Kế hoạch PNUPSC – cơ quan NN phê duyệt
- ▶ Diễn tập ứng phó sự cố hóa chất hàng năm bắt buộc

▶ Bộ/cơ quan ngang Bộ rà soát định kỳ trước 30/6 hàng năm → gửi Bộ CT → đánh giá tác động → báo cáo Chính phủ xem xét điều chỉnh

HỆ THỐNG GIẤY PHÉP / CHỨNG NHẬN HOẠT ĐỘNG HÓA CHẤT

Tổng hợp từ Luật HC 69/2025 và NĐ 26/2026/NĐ-CP

Loại Giấy phép / GCN	Đối tượng	Cơ quan cấp	Thời hạn	Điều khoản
GCN đủ ĐK sản xuất HC có điều kiện	Tổ chức SX	UBND tỉnh	5 năm	Đ.10 Luật Đ.9 NĐ26
GCN đủ ĐK kinh doanh HC có điều kiện	Tổ chức KD	UBND tỉnh	5 năm	Đ.11 Luật Đ.10 NĐ26
GP SX HC cần KSĐB (Nhóm 1)	Tổ chức SX	Cục Hóa chất (Bộ CT)	5 năm	Đ.10 Luật Đ.13 NĐ26
GP KD HC cần KSĐB (Nhóm 1)	Tổ chức KD	Cục Hóa chất (Bộ CT)	5 năm	Đ.11 Luật Đ.13 NĐ26
GP SX/KD HC cần KSĐB (Nhóm 2)	Tổ chức SX/KD	UBND tỉnh (TT 01)	5 năm	TT 01/2026, Đ.3
GP XK/NK HC cần KSĐB	Tổ chức SX/KD, sử dụng	Cục HC (Bộ CT)	6 tháng (+gia hạn 1 lần)	Đ.12 Luật Đ.14 NĐ26
GP sản xuất hóa chất cấm	Tổ chức đặc biệt	Bộ/cơ quan ngang Bộ	12 tháng	Đ.10 Luật Đ.16 NĐ26
GP nhập khẩu hóa chất cấm	Tổ chức đặc biệt	Bộ/cơ quan ngang Bộ	6 tháng	Đ.12 Luật Đ.18 NĐ26
GCN dịch vụ tồn trữ hóa chất	Tổ chức tồn trữ dịch vụ	Bộ CT (lớn) / UBND tỉnh (nhỏ)	5 năm (từ 01/7/2026)	Đ.14 Luật Đ.19 NĐ26

■ Miễn cấp phép: hỗn hợp nguy hiểm cấp thấp; san chiết/pha chế nội bộ; HC KSĐB/HC cấm dưới ngưỡng nồng độ (Điều 18 Luật | Điều 21 NĐ 26)

QUY TRÌNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN / GIẤY PHÉP SX, KD HÓA CHẤT

NĐ 26/2026/NĐ-CP | TT 01/2026/TT-BCT

HC CÓ ĐIỀU KIỆN — UBND Tỉnh cấp

1

Chuẩn bị hồ sơ

Văn bản đề nghị · Bản vẽ mặt bằng · Biên bản nghiệm thu · Kế hoạch PNUPSC · Bảng cấp phụ trách · Phiếu ATCH

2

Nộp hồ sơ

Gửi đến UBND tỉnh (trực tiếp / bưu điện / DVC trực tuyến)

3

Thẩm định hồ sơ

3 ngày LV kiểm tra. Thiếu → thông báo bổ sung (không tính vào hạn cấp GCN)

4

Kiểm tra thực tế

12 ngày LV. Cơ sở tỉnh khác → lấy ý kiến UBND nơi đặt (09 ngày LV)

5

Cấp GCN – 5 năm

Gửi bản sao đến Bộ CT (Cục HC) & UBND liên quan

🕒 Tổng thời gian cấp GCN: ~15 ngày làm việc

HC CẦN KSĐB — Cục HC / UBND Tỉnh cấp

ĐIỀU KIỆN BỔ SUNG (so với HC có ĐK):

✓ Đáp ứng đủ điều kiện HC có ĐK (Đ.7/Đ.8 NĐ 26)

✓ Phương án kiểm soát phòng chống thất thoát HC KSĐB

✓ Cam kết chỉ SX/KD cho mục đích không bị cấm (Đ.3 LHC)

✓ HC phân khu theo tính chất – không để lẫn HC phản ứng nhau

🚩 Nhóm 1: Cục HC (Bộ CT) | Nhóm 2: UBND tỉnh (TT 01/2026)

🕒 Thẩm định HS: 3 ngày LV → Cấp phép: 16 ngày LV | Hiệu lực: 5 năm

🔑 XK/NK HC KSĐB: GP từ Cục HC | 07 ngày LV | Hiệu lực: 6 tháng

XUẤT KHẨU – NHẬP KHẨU HÓA CHẤT

Điều 12, Luật HC | Điều 14, 18, NĐ 26/2026/NĐ-CP | Khai báo: Điều 6, NĐ 26

	HC CÓ ĐIỀU KIỆN	HC CẦN KSĐB	HÓA CHẤT CẤM
XUẤT KHẨU ↑	▶ Tổ chức SX: XK HC do mình SX theo GCN ▶ Tổ chức KD: XK theo GCN kinh doanh ▶ Không cần Giấy phép XK riêng	▶ Cần: GP SX/KD HC KSĐB + Giấy phép XK riêng ▶ Hóa chất Bảng 3 → GCN sử dụng cuối từ nước NK ▶ Tiền chất CN → Văn bản chấp thuận của Bộ Công an	▶ Chỉ XK khi: đã NK nhưng không dùng hết trong hạn GP ▶ Không XK được → Tiêu hủy theo quy định ▶ Cấm tạm nhập tái xuất, quá cảnh, chuyển khẩu
NHẬP KHẨU ↓	▶ Tổ chức KD: NK theo GCN kinh doanh ▶ Tổ chức sử dụng: NK phục vụ mục đích sử dụng ▶ Khai báo NK bắt buộc qua Cổng 1 cửa	▶ Cần: GP NK + GP SX/KD (hoặc công bố mục đích) ▶ Hồ sơ: Văn bản đề nghị + Hóa đơn + Phiếu ATCH ▶ Thời hạn cấp: 07 ngày LV Hiệu lực: 6 tháng	▶ NK theo GP từng lô hàng (6 tháng/lần) ▶ Đúng mục đích Luật Đầu tư, Luật QLNT quy định ▶ Cấm tạm nhập tái xuất và quá cảnh

🚩 Khai báo HC NK (Điều 6, NĐ 26): Bắt buộc qua Cổng 1 cửa quốc gia TRƯỚC khi thông quan | Miễn: <10kg; HC KSĐB/HC cấm đã có GP; Hỗ trợ không thuộc Chương 28, 29

HÓA CHẤT NGUY HIỂM TRONG SẢN PHẨM & HÀNG HÓA

Chương V Luật HC | Điều 28–29, NĐ 26/2026 | TT 01/2026/TT-BCT

ĐỐI TƯỢNG: Tổ chức, cá nhân SẢN XUẤT và NHẬP KHẨU sản phẩm, hàng hóa chứa hóa chất nguy hiểm theo Danh mục Bộ Công Thương quy định

NGHĨA VỤ 1: KHAI BÁO (K.1, Đ.29)

- Khai báo lên CSDL chuyên ngành HC TRƯỚC KHI đưa sản phẩm lưu thông thị trường
- Khai báo: Tên SP, tên HC nguy hiểm, đặc tính nguy hiểm, hàm lượng, lĩnh vực sử dụng
- Khai theo từng lô hàng SX hoặc NK; lưu giữ hồ sơ chứng minh tính chính xác

NGHĨA VỤ 2: CÔNG BỐ (K.2, Đ.29)

- Công bố thành phần, hàm lượng HC nguy hiểm + KHUYẾN CÁO HẠN CHẾ SỬ DỤNG
- Tại: Cổng/Trang TTĐT của tổ chức, cá nhân + nơi trực tiếp cung cấp SP
- Trên: Nhãn hàng hóa của sản phẩm

KIỂM SOÁT TRONG SẢN XUẤT (Đ.28)

- Giám sát HC nguy hiểm trong nguyên liệu đầu vào và sản phẩm cuối
- Giám sát HC nguy hiểm phát thải trong quá trình sản xuất
- Không để thất thoát HC nguy hiểm ra môi trường xung quanh

HỆ THỐNG THÔNG TIN HÓA CHẤT – GHS, SDS, ĐĂNG KÝ MỚI

Chương IV, Luật HC 69/2025 | TT 01/2026/TT-BCT

① ĐĂNG KÝ HC MỚI

Điều 20–22 Luật | Đ. 23–25 NĐ 26

- HC chưa có trong Danh mục quốc gia → bắt buộc đăng ký TRƯỚC khi lưu thông
- Hội đồng đánh giá: 7–9 thành viên, 100% đồng thuận mới được phép
- Xác nhận trong 07 ngày LV; tổng thời gian 90 ngày LV
- Thừa nhận: ECHA (EU), TSCA (US EPA), ENCS (Nhật) → quy trình đơn giản

③ PHIẾU AN TOÀN HC (SDS/MSDS)

Điều 25, Luật HC | TT 01

- Bắt buộc khi NK và trước khi lưu thông HC nguy hiểm
- Người bán phải cung cấp SDS cho người mua khi giao hàng
- Lưu tại nơi tồn trữ và sử dụng; lưu hồ sơ ≥ 3 năm sau khi kết thúc
- TT 01/2026 quy định biểu mẫu SDS chuẩn hóa

② PHÂN LOẠI & GHI NHÃN (GHS)

Điều 23, Luật HC

- Áp dụng Hệ thống GHS (Globally Harmonized System) bắt buộc
- Nghĩa vụ của tổ chức SX, NK hóa chất; cập nhật khi có đặc tính nguy hiểm mới
- Nhãn hóa chất: ký hiệu nguy hiểm, cảnh báo, SDS theo GHS
- Hỗn hợp: phân loại theo thành phần và nồng độ các chất

④ BẢO MẬT THÔNG TIN (CBI)

Điều 26, Luật HC

- Được bảo mật: bí quyết công nghệ, bí mật thương mại hợp pháp
- KHÔNG được bảo mật: SDS, tên thương mại, cảnh báo AT, độc tính
- Phải cung cấp đầy đủ cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu
- Thông tin nguy cơ sức khỏe không được bảo mật trong bất kỳ trường hợp

PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

Chương II, Luật HC 69/2025 | NĐ 25/2026/NĐ-CP

6 LĨNH VỰC CN HÓA CHẤT TRỌNG ĐIỂM (Điều 6, Luật HC | NĐ 25)



Hóa chất cơ bản

Trong nước chưa SX được hoặc chưa đủ sản lượng



Hóa dầu & Cao su kỹ thuật

Sản phẩm từ dầu khí, polyme, hóa dẻo



Hóa dược

Nguyên liệu, dược chất nền tảng



Phân bón hàm lượng cao

Phân bón chuyên dụng hiệu suất cao



Hydro & Amoniac xanh

Từ năng lượng tái tạo



KCN chuyên ngành HC

Tổ hợp công trình HC, khu công nghiệp chuyên biệt

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CN HC (Điều 5, Luật)

- ▶ Chiến lược phát triển: 10 năm, tầm nhìn 30 năm – Thủ tướng phê duyệt
- ▶ Bộ CT chủ trì xây dựng, theo dõi; UBND tỉnh bố trí đất, ngân sách KCN HC
- ▶ Ưu đãi đầu tư đặc biệt cho dự án đủ vốn & tiến độ (theo Luật Đầu tư)
- ▶ Tư vấn chuyên ngành HC là ngành nghề có điều kiện (Đ.7, 8 Luật)

YÊU CẦU AN TOÀN CƠ SỞ HC (NĐ 25, Điều 25–28)

- ▶ Nhà xưởng, kho chứa đáp ứng TCVN/QCVN; hệ thống PCCC theo pháp luật
- ▶ Khoảng cách an toàn với khu dân cư – Bộ quản lý ngành ban hành QCKT
- ▶ Thiết bị, bao bì HC đạt tiêu chuẩn; kiểm định đúng hạn định kỳ
- ▶ Vận chuyển HC nguy hiểm: mang Biện pháp PNUMSC theo suốt hành trình

CHỨNG CHỈ TƯ VẤN CHUYÊN NGÀNH HÓA CHẤT

NĐ 25/2026/NĐ-CP Điều 16–23 | TT 02/2026/TT-BCT Điều 3

Hạng A1	Hạng A2	Hạng A3	Hạng B
Phạm vi: Tất cả dự án HC	Phạm vi: Công trình cấp II trở xuống	Phạm vi: Công trình cấp III trở xuống	Phạm vi: Tư vấn AT, AN hóa chất
Kinh nghiệm: ≥ 7 năm	Kinh nghiệm: ≥ 4 năm	Kinh nghiệm: ≥ 4 năm	Kinh nghiệm: ĐH hóa + kinh nghiệm ATLĐ
Dự án/KC: ≥ 2 dự án cấp II+	Dự án/KC: ≥ 2 dự án cấp III+	Dự án/KC: —	Dự án/KC: Kinh nghiệm diễn tập / KH PNUPSC / huấn luyện

QUY TRÌNH CẤP CHỨNG CHỈ (Điều 22–23, NĐ 25 | TT 02 – Biểu mẫu 01a → 01d)

1 Nộp hồ sơ Trực tiếp / Bưu chính / DVC Tại UBND tỉnh nơi thường trú	2 Tiếp nhận UBND tỉnh tiếp nhận & kiểm tra hồ sơ	3 Thẩm tra Xem xét điều kiện theo hạng đăng ký	4 Cấp CC 10 ngày LV (cấp mới/ĐC) 5 ngày LV (cấp lại)
---	---	---	---

Thu hồi (Đ.21.2): Giả mạo giấy tờ; cho thuê/mượn CC; sửa chữa CC → Sau 24 tháng mới được xét cấp lại | Hiệu lực CC: 5 năm



HUẤN LUYỆN AN TOÀN CHUYÊN NGÀNH HÓA CHẤT

NĐ 25/2026/NĐ-CP Điều 29–32 | Tần suất: 2 năm / lần cho cả 3 nhóm

NHÓM 1 — Lãnh đạo

ĐỐI TƯỢNG:

- Người đứng đầu cơ sở HC
- Trưởng phòng/quản đốc phụ trách HC
- Cấp phó phụ trách điều hành HC

NỘI DUNG:

- Pháp luật trong hoạt động hóa chất
- Yếu tố nguy hiểm & biện pháp phòng ngừa
- Phương án phối hợp ứng phó sự cố

NHÓM 2 — Giám sát

ĐỐI TƯỢNG:

- Người CTCM ATCH tại cơ sở
- Người giám sát AT tại nơi làm việc
- Thủ kho liên quan đến HC

NỘI DUNG:

- Pháp luật HC + yếu tố nguy hiểm
- Quy trình quản lý ATCH; đặc tính HC
- Phiếu ATCH; quy trình ứng phó + thực hành

NHÓM 3 — Người lao động

ĐỐI TƯỢNG:

- Người lao động trực tiếp với HC
- Nhân viên y tế cơ sở (nếu có)

NỘI DUNG:

- Quy trình ATCH khi làm việc trực tiếp
- Đặc tính HC, nhận biết qua nhãn hàng
- Thực hành ứng phó và sử dụng PPE đúng cách

Chu kỳ đầu: ≥ 8 giờ

Chu kỳ tiếp: ≥ 50% chu kỳ đầu

Tần suất: 2 năm / lần

Kiểm tra: ≥ điểm TB | Max 2 giờ

Lưu hồ sơ: ≥ 3 năm

KẾ HOẠCH / BIỆN PHÁP PNUPSC?

Luật HC Điều 37–38 | NĐ 25/2026 Điều 33–35 | TT 02/2026

Tổ chức / cá nhân hoạt động hóa chất nguy hiểm

CÓ

Tồn trữ HC có trong Bảng A/B (Phụ lục IV, NĐ 24) $\geq$ ngưỡng?
hoặc Tổng tỉ lệ khối lượng các HC trong Bảng ≥ 1 ?

KHÔNG

KẾ HOẠCH PNUPSC — Bắt buộc thẩm định

- ▶ Thẩm định bởi Hội đồng (7–9 thành viên)
- ▶ Bộ CT: HC Bảng A/B $\geq$ ngưỡng (điểm a, K.2, Đ.33)
- ▶ UBND tỉnh: Tổng tỉ lệ ≥ 1 (điểm b, K.2, Đ.33)
- ▶ Nộp trước BCNCKT / trước khi tồn trữ HC
- ▶ Diễn tập ứng phó bắt buộc hằng năm

BIỆN PHÁP PNUPSC — Tự ban hành

- ▶ Tồn trữ HC nguy hiểm dưới ngưỡng Bảng A/B
- ▶ Tổ chức/cá nhân tự ban hành trước khi tồn trữ
- ▶ Không cần cơ quan nhà nước thẩm định
- ▶ Cập nhật khi có thay đổi liên quan đến HC
- ▶ Vận chuyển HC nguy hiểm: lập và MANG THEO suốt hành trình

➡ Chuyển tiếp: đang có Biện pháp → hoàn thành thẩm định KH PNUPSC trước 31/12/2026

QUY TRÌNH THẨM ĐỊNH & PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH PNUPSC

NĐ 25/2026 Điều 33–34 | TT 02/2026 Phụ lục III – Biểu mẫu 03a → 03e



HĐ THẨM ĐỊNH (Điều 34.4): 7–9 thành viên | Hợp khi $\geq 2/3$ TV (có CT/PCT + ≥ 1 UV phản biện)
| Thông qua: $\geq 2/3$ đồng ý | Không thông qua: $> 1/3$ không đồng ý

CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG QUẢN LÝ HÓA CHẤT

Điều 29, Luật HC | Điều 27, NĐ 26/2026 | Điều 10, TT 01/2026

CƠ SỞ DỮ LIỆU CHUYÊN NGÀNH HC

Do Cục Hóa chất (Bộ Công Thương) vận hành & bảo đảm ATTT

DỮ LIỆU TRÊN CSDL HC:

- ▶ Danh mục HC quốc gia và thông tin về đặc tính nguy hiểm
- ▶ Hoạt động HC của tổ chức/cá nhân; Thủ tục hành chính
- ▶ Phiếu kiểm soát mua/bán HC KSDB (điện tử từ 01/01/2026)
- ▶ KH & Biện pháp PNUPSC đã phê duyệt; Kết quả diễn tập

CẤP PHÉP ĐIỆN TỬ

- GCN SX/KD HC có ĐK; GP HC KSDB; GCN tồn trữ
- Qua dịch vụ công Bộ Công Thương; thay thế hồ sơ giấy

KHAI BÁO HC NK

- Khai báo qua Cổng 1 cửa quốc gia TRƯỚC thông quan
- Hệ thống Bộ CT phản hồi tự động; có giá trị pháp lý

PHIẾU KSDB ĐIỆN TỬ

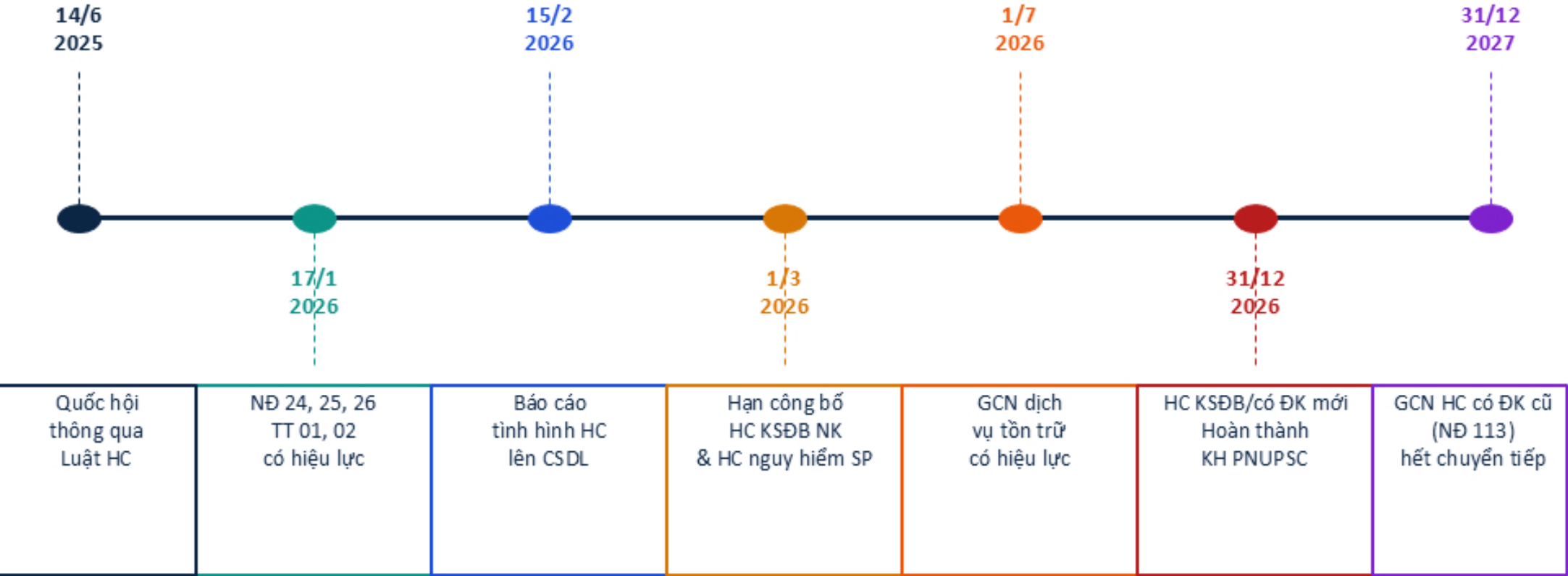
- Lập trong 10 ngày từ ngày giao hàng HC KSDB
- Bộ Công an chủ trì hệ thống định danh, truy xuất nguồn gốc

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ

- Tình hình SX/KD/XNK HC: trước 15/02 hằng năm
- Bộ/ngành đồng bộ dữ liệu quản lý HC lên CSDL Bộ CT

LỘ TRÌNH THỰC HIỆN & ĐIỀU KHOẢN CHUYỂN TIẾP TỔNG HỢP

Điều 48, Luật HC | Điều 30, NĐ 26/2026 | Điều 40–41, NĐ 25/2026



GP SX/KD HC KSDB cũ (tiền chất) còn hiệu lực → tiếp tục dùng đến hết hạn | KH/BP PNUPSC đã phê duyệt → tiếp tục thực hiện

NQ 19/2026/NQ-CP — PHỤ LỤC I: PHÂN CẤP 4 TTHC HÓA CHẤT

Chuyển thẩm quyền từ Bộ Công Thương → UBND cấp tỉnh | Hiệu lực Phụ lục I: 29/5/2026 (sau 30 ngày kể từ ngày NQ ký)

TTHC 1 GP XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HC CẦN KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT (NHÓM 1)

Cơ quan: UBND cấp tỉnh — nộp qua DVC trực tuyến / bưu chính / trực tiếp

Hồ sơ: Văn bản đề nghị + Hóa đơn XK/NK + Phiếu ATCH (Phụ lục VII – TT 01/2026)

Cấp mới: 5 ngày LV | Cấp lại (mất/hỏng): 3 ngày LV | Điều chỉnh (đổi HĐ): 5 ngày LV | Gia hạn: 3 ngày LV (1 lần, số tháng)

Hiệu lực: 6 tháng/GP — cấp từng hóa đơn XK hoặc NK riêng biệt

Lưu ý: Tiền chất CN Phụ lục III ND 24 → cần văn bản chấp thuận của Bộ Công an trước khi cấp GP

TTHC 2 GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU HÓA CHẤT CẤM

Cơ quan: UBND cấp tỉnh (thay Bộ CT) tiếp nhận + thẩm định + cho phép XK hoặc tiêu hủy HC cấm chưa dùng hết

Hồ sơ: Văn bản đề nghị + tài liệu pháp lý + CSVC/năng lực chuyên môn (Phụ lục II – TT 01/2026)

Cấp mới: 5 ngày LV | Cấp lại: 3 ngày LV | Điều chỉnh (thay đổi HĐ): quy trình như cấp mới

Hiệu lực: 6 tháng/lô hàng — cấp từng lô NK; không dùng hết → XK hoặc tiêu hủy

Lưu ý: Cấm tạm nhập tái xuất, quá cảnh, chuyển khẩu HC cấm | Tổ chức NK phải thông báo cho cơ quan cấp GP

TTHC 3 GCN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ TỒN TRỮ HÓA CHẤT

Cơ quan: UBND tỉnh nơi tổ chức nộp hồ sơ — gửi bản sao GCN về Cục HC + UBND nơi đặt kho

Hồ sơ: 6 loại: bản vẽ mặt bằng kho + KH/BP PNUPSC + quyền SD đất + bằng cấp chuyên môn + ATCH (Phụ lục XI – TT 01/2026)

Cấp mới: Kho cùng địa phương: 10 ngày LV | Kho khác tỉnh: 12 ngày LV | Cấp lại: 3 ngày LV

Điều chỉnh: Đổi địa điểm kho / quy mô / loại HC → thủ tục như cấp mới | Hiệu lực: 5 năm

Lưu ý: Chỉ tồn trữ đúng quy mô & loại HC ghi trong GCN (xem thêm Nhóm VI Phụ lục II NQ 19)

TTHC 4 GP VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA NGUY HIỂM LOẠI 5, LOẠI 8 (ĐƯỜNG BỘ)

Cơ quan: UBND cấp tỉnh (thay Cục Đường bộ Việt Nam) | Hiệu lực Phụ lục I NQ 19: từ 29/5/2026

Phạm vi: Loại 5: Chất oxy hóa, peroxit hữu cơ; Loại 8: Chất ăn mòn thuộc quản lý HC của Bộ Công Thương

Thủ tục: Theo Điều 16 ND 161/2024/ND-CP (được sửa bởi điểm b, d, đ khoản 4 Điều 44 ND 105/2025/ND-CP)

Bao gồm: Cấp mới + Cấp điều chỉnh + Cấp lại Giấy phép vận chuyển HHNH loại 5 và loại 8

Lưu ý: Áp dụng đường bộ; đường thủy/sắt/hàng không/hàng hải vẫn theo cơ quan chuyên ngành tương ứng

Căn cứ: Phụ lục I NQ 19/2026/NQ-CP; Điều 14 & 18 ND 26/2026/ND-CP; TT 01/2026/TT-BCT (Phụ lục II, VII, XI) | Biểu mẫu: theo Phụ lục tương ứng ban hành kèm TT 01/2026

NQ 19/2026/NQ-CP — PHỤ LỤC II: CẮT GIẢM ĐIỀU KIỆN KINH DOANH HÓA CHẤT

6 nhóm đối tượng hoạt động hóa chất được làm rõ và gọn hóa điều kiện | Căn cứ: NĐ 26/2026/NĐ-CP

Nhóm I — Điều 7 NĐ 26

SẢN XUẤT HC CÓ ĐIỀU KIỆN

- ▶ Tổ chức được thành lập hợp pháp theo PL
- ▶ Nhà xưởng & kho chứa đáp ứng khoản 2-5 Điều 4 NĐ 26; có quy trình thao tác AT niêm yết tại nơi SX
- ▶ Công nghệ đáp ứng khoản 6 Điều 4 NĐ 26
- ▶ Tồn trữ phân khu theo tính chất HC; không lưu HC có thể phản ứng nhau
- ▶ Người CTCM: $\geq$ cử nhân hóa học (Phụ lục III NĐ 25) + đáp ứng khoản 8 Điều 4 NĐ 26

Nhóm II — Điều 8 NĐ 26

KINH DOANH HC CÓ ĐIỀU KIỆN

- ▶ Tổ chức được thành lập hợp pháp theo PL
- ▶ Kho riêng hoặc thuê kho của tổ chức có GCN dịch vụ tồn trữ phù hợp với quy mô & loại HC kinh doanh
- ▶ Tồn trữ phân khu theo tính chất HC; không lưu HC phản ứng nhau
- ▶ Người CTCM: $\geq$ trung cấp hóa học (Phụ lục III NĐ 25) + đáp ứng khoản 4 Điều 5 NĐ 26

Nhóm III — Điều 11 NĐ 26

SẢN XUẤT HC CẦN KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT

- ▶ Đáp ứng đủ điều kiện SX HC có điều kiện (Nhóm I) + thêm:
- ▶ Quy trình thao tác AT niêm yết tại khu vực SX HC cần KSĐB
- ▶ Phương án kiểm soát phòng, chống thất thoát (chúng loại, khối lượng, bảo quản, kế hoạch KT/giám sát)
- ▶ Cam kết chỉ SX cho mục đích không bị cấm (Điều 3 Luật HC)
- ▶ Người CTCM: $\geq$ cử nhân hóa học + đáp ứng khoản 8 Điều 4 NĐ 26

Nhóm IV — Điều 12 NĐ 26

KINH DOANH HC CẦN KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT

- ▶ Đáp ứng đủ điều kiện KD HC có điều kiện (Nhóm II) + thêm:
- ▶ Kho hoặc khu vực lưu trữ phải có quy trình AT niêm yết riêng cho HC cần KSĐB
- ▶ Phương án kiểm soát phòng, chống thất thoát (chúng loại, khối lượng, bảo quản, kế hoạch KT/giám sát)
- ▶ Cam kết chỉ KD cho mục đích không bị cấm (Điều 3 Luật HC)
- ▶ Người CTCM: $\geq$ trung cấp hóa học + đáp ứng khoản 4 Điều 5 NĐ 26

Nhóm V — Điều 16 NĐ 26

SẢN XUẤT HÓA CHẤT CẤM

- ▶ Đáp ứng điều kiện SX HC có ĐK + có mục đích đặc biệt (NC/QP/AN/y tế/phòng chống thiên tai, dịch bệnh)
- ▶ HC Bảng 1 – cơ sở đơn lẻ: thiết bị phản ứng $<100\text{L}$; tổng thiết bị $>5\text{L}$ không quá 500L
- ▶ HC Bảng 1 – quy mô sản lượng: QP/AN $\leq 10\text{ kg/năm}$; NC/y tế/dược $\leq 100\text{ g/HC/năm}$; PTN $\leq 100\text{ g/năm}$
- ▶ Phương án KS thất thoát HC cấm; quy trình AT niêm yết tại khu vực SX
- ▶ Người CTCM: $\geq$ cử nhân hóa học + đáp ứng khoản 8 Điều 4

Nhóm VI — Điều 19 NĐ 26

DỊCH VỤ TỒN TRỮ HÓA CHẤT

- ▶ Tổ chức được thành lập hợp pháp theo PL
- ▶ Kho tồn trữ đáp ứng điều kiện kỹ thuật khoản 2-5 Điều 4 NĐ 26
- ▶ Tồn trữ phân khu theo tính chất HC; không lưu HC có thể phản ứng nhau
- ▶ Người CTCM: $\geq$ trung cấp hóa học (Phụ lục III NĐ 25) + đáp ứng khoản 8 Điều 4 NĐ 26
- ▶ Chỉ được tồn trữ đúng quy mô & loại HC ghi trong GCN được cơ quan có thẩm quyền cấp

■ Căn cứ: Phụ lục II NQ 19/2026/NQ-CP; Điều 7, 8, 11, 12, 16, 19 NĐ 26/2026/NĐ-CP; Điều 4, 5 NĐ 26/2026; Phụ lục III NĐ 25/2026/NĐ-CP

NQ 19/2026/NQ-CP — PHỤ LỤC III: ĐƠN GIẢN HÓA TTHC & MIỄN TRỪ CẤP PHÉP

Rút ngắn thời gian xử lý 4 TTHC chính | Mở rộng 9 nhóm trường hợp miễn cấp GCN/GP hóa chất

TTHC 1 Thẩm định & phê duyệt Kế hoạch PNUPSC Khoản 2 Điều 34 NĐ 25/2026/NĐ-CP — Hội đồng thẩm định 7-9 thành viên Kiểm tra HS 3 ngày LV Thẩm định 15 ngày LV Thông báo KQ 5 ngày LV Kiểm tra TT 20 ngày LV Phê duyệt 10 ngày LV	MỞ RỘNG MIỄN TRỪ CẤP GCN/GP (9 NHÓM) Điều 21 NĐ 26/2026/NĐ-CP 1 HC có ĐK / KSĐB $\leq 1\%$ hỗn hợp $\rightarrow$ miễn GCN/GP SX/KD 2 HC cần KSĐB nhóm 1 $\leq 1\%$ hỗn hợp $\rightarrow$ miễn GP XK/NK 3 HC cần KSĐB nhóm 2 $\leq 5\%$ hỗn hợp $\rightarrow$ miễn GP XK/NK 4 HC cấm $< 0,1\%$ hỗn hợp $\rightarrow$ miễn GP SX/NK 5 Sản chiết, pha chế phục vụ SX nội bộ $\rightarrow$ miễn GCN/GP SX 6 Sản phẩm đặc thù: dược, BVTV, phân bón, mỹ phẩm, tẩy rửa/keo, xăng dầu, pin/ắc quy, thiết bị y tế/thí nghiệm 7 Cho thuê đất (không kèm CSVC tồn trữ) $\rightarrow$ miễn GCN tồn trữ 8 XK/NK tại chỗ hoặc mua/bán trong khu hải quan riêng $\rightarrow$ miễn GP XK/NK HC KSĐB 9 XK/NK HC KSĐB cho thí nghiệm ≤ 1 mg/lần $\rightarrow$ miễn GP XK/NK
TTHC 2 Cấp Giấy phép SX/KD HC cần kiểm soát đặc biệt Khoản 5 Điều 13 NĐ 26/2026/NĐ-CP — Cục Hóa chất hoặc UBND tỉnh cấp Kiểm tra HS 3 ngày LV Cấp mới 14 ngày LV (HS + TT) Cấp lại 3 ngày LV Hiệu lực 5 năm	
TTHC 3 Cấp GCN đủ điều kiện SX/KD hóa chất có điều kiện Khoản 4 Điều 9 NĐ 26/2026/NĐ-CP — UBND cấp tỉnh cấp Kiểm tra HS 3 ngày LV Cấp mới 12 ngày LV Cấp lại 3 ngày LV Hiệu lực 5 năm	
TTHC 4 Đăng ký hóa chất mới Điểm a Khoản 4 Điều 23 NĐ 26/2026/NĐ-CP — rút ngắn từ 90 $\rightarrow$ 50 ngày LV Thẩm định 50 ngày LV Xác nhận ĐK 3 ngày LV Giám 40 ngày LV	
Căn cứ: Phụ lục III NQ 19/2026/NQ-CP; Điều 9, 13, 21, 23, 34 NĐ 26/2026; Điều 34 NĐ 25/2026 NQ hết hiệu lực khi văn bản thay thế có hiệu lực (chậm nhất 01/3/2027)	

NGHĨA VỤ CHÍNH: DOANH NGHIỆP & CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG

DOANH NGHIỆP / TỔ CHỨC, CÁ NHÂN		UBND TỈNH / CƠ QUAN ĐỊA PHƯƠNG ★	
Đề nghị cấp GCN/GP	Trước khi SX/KD HC thuộc danh mục quy định	Cấp GCN HC có ĐK	12 ngày LV từ khi hồ sơ hợp lệ ★ (rút từ 15 ngày)
Khai báo NK	Qua Cổng 1 cửa quốc gia TRƯỚC khi thông quan	Cấp GP HC KSDB Nhóm 2	GP SX/KD HC KSDB Nhóm 2 (TT 01)
Phiếu KSDB	Lập trong 10 ngày từ ngày giao hàng HC KSDB	Cấp GP XK/NK HC KSDB N1 ★ MỚI	GP XNK Nhóm 1 (trước: Cục HC) — 5 ngày LV
Công bố HC KSDB NK	Lên CSDL trước 30 ngày (mục đích sử dụng)	Cấp GCN tồn trữ ★	Toàn bộ (trước: Bộ CT cấp kho lớn) — 10-12 ngày
Công bố HC nguy hiểm SP	Trang TTĐT + nơi bán + nhãn hàng hóa	Cấp GP NK HC cấm ★ MỚI	Thay Bộ/CQ ngang Bộ — 5 ngày LV
KH/BP PNUPSC	Thẩm định (≥ ngưỡng) hoặc tự ban hành	Cấp GP vận chuyển L5+L8 ★ MỚI	HHNHH Loại 5+8 đường bộ (trước: Cục Đường bộ)
Diễn tập ứng phó	Hàng năm nếu thuộc đối tượng KH PNUPSC	Thẩm định KH PNUPSC	Đối tượng tổng tỉ lệ ≥ 1 (điểm b, K.2, Đ.33)
Huấn luyện ATCH	3 nhóm, 2 năm/lần, lưu hồ sơ ≥ 3 năm	Ban hành KH PNUPSC tỉnh	Trong 15 ngày LV từ khi nhận dự thảo
Báo cáo HC hàng năm	Trước 15/02 – tình hình SX/KD/XNK/sự cố	Diễn tập cấp tỉnh + Cấp CC tư vấn	Hàng năm theo KH Theo nơi thường trú

★ Nội dung màu vàng: thay đổi theo NQ 19/2026/NQ-CP | Phụ lục I (hiệu lực 29/5/2026)

Tổng kết các nhóm vấn đề chính

01

Hệ thống 3 cấp kiểm soát

HC có điều kiện → HC cần KSĐB → HC cấm. Mỗi cấp có GCN/GP riêng với cơ quan cấp và thời hạn khác nhau.

03

Phân cấp thẩm quyền

Cục HC (Bộ CT) – UBND tỉnh – Bộ/ngành chuyên quản phụ trách từng nhóm HC và thủ tục hành chính cụ thể.

05

An toàn & phòng ngừa sự cố

KH PNUPSC (thẩm định bắt buộc) hoặc Biện pháp (tự ban hành) tùy ngưỡng. Diễn tập hàng năm bắt buộc.

02

4 Danh mục HC (NĐ 24)

Phụ lục I-IV làm nền tảng toàn bộ hệ thống quản lý, được rà soát định kỳ trước 30/6 hàng năm.

04

Chuyển đổi số toàn diện

CSDL chuyên ngành HC, cấp phép điện tử, khai báo NK qua Cổng 1 cửa, Phiếu KSĐB điện tử từ 01/01/2026.

06

Lộ trình chuyển tiếp

GCN cũ đến 31/12/2027. Hoàn thành KH PNUPSC trước 31/12/2026. Đáp ứng HC KSĐB mới trước 31/12/2026.

07

★ Theo dõi các NQ cắt giảm TTHC

NQ 19/2026 và các Nghị quyết cắt giảm khác phân cấp thẩm quyền, rút ngắn thời gian, mở rộng miễn trừ. Hết hiệu lực chậm nhất 01/3/2027 khi văn bản mới ban hành.



Trân trọng cảm ơn sự lắng nghe của Quý vị

CỤC HÓA CHẤT, BỘ CÔNG THƯƠNG

21 Ngô Quyền - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Website: www.cuchoachat.gov.vn

Điện thoại: 024.66578566 | Fax: 02422205038